

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY,
TỈNH KON TUM**

Số: 06/2019/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kon Rẫy, ngày 26 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2019/ TLST – HNGĐ
ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị S,

Địa chỉ: ..., xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Số điện thoại:

Bị đơn: Anh Đ,

Địa chỉ: Thôn ..., thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Số điện thoại:

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày
18/4/2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản
ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/4/2019 là hoàn toàn tự
nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly
hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị S và anh Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị S và anh Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

+ Chị S được quyền nuôi con tên N, sinh ngày .../.../2010 và con tên T,
sinh ngày .../.../2014.

+ Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về các khoản nợ chung: Không;
- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 16 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

+ Chị S chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng và nhận nộp thay tiền án phí ly hôn cho anh Đ 75.000 đồng (Tổng cộng là 150.000 đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001502 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy. Chị S được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Anh Đ không phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm (vì chị S nhận nộp thay).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Kon Rẫy.
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy.
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Kon Tum.
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- UBND thị trấn Đăk Rve;
- Lưu HSVA.

(đã ký)

Nguyễn Xong